TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22/9/2023.
(*V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên toà: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2023/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Ch, xã A, huyện L, tỉnh H.

Bị đơn: anh Đinh Văn L1, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn S, xã G, huyện N, tỉnh N.

Chị L vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt, anh L1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: tôi và anh Đinh Văn L1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện N vào ngày 18/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh L1 ở thôn S, xã G, huyện N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau và do anh L1 mải chơi, có sử dụng ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể khắc phục. Đến tháng 06/2022 thì vợ chồng lại có va chạm nên tôi đã về quê ở thôn Ch, xã A, huyện L, tỉnh H sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân nhau cho đến nay, vợ chồng không còn

thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Văn L1.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung, là cháu Đinh Thị Quỳnh H sinh ngày 28/01/2021, hiện nay đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đinh Thị Quỳnh H và không yêu cầu anh L1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án xuống nhà anh L1 làm việc, anh L1 có bản tự khai ngày 09/8/2023, trình bày: việc kết hôn giữa tôi và chị Nguyễn Thị L, đúng như chị L đã trình bày nêu trên, thừa nhận vợ chông chung sống hạnh phúc trong thời gian được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau và đến tháng 06 năm 2022 vợ chồng lại có mâu thuẫn nên chị L đã về quê ở thôn Chợ Đập, xã A, huyện L, tỉnh H sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên theo anh L1 thì mâu thuẫn vợ chồng chỉ nhỏ nhặt nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, theo anh L1 thì vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Thị Quỳnh H sinh ngày 28/01/2021, hiện nay đang ở với chị L, nếu phải ly hôn anh L1 đồng ý giao cháu Hương cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nếu chị L có yêu cầu cấp dưỡng thì anh cũng sẽ có trách nhiệm đóng góp. Về tài sản chung, công nợ chung: anh L1 không không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 không lên Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 5, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn L1. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Quỳnh H cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hương đủ 18 tuổi. Anh L1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đinh Văn L1 có địa chỉ tại thôn S, xã G, huyện N, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện N áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại nhà anh L1 ở thôn S, xã G, huyện N, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuân theo sự trình bày của chị L cũng như qua xác minh tại cơ sở là do hai vợ chồng không hợp nhau và do anh L1 mải chơi, có sử dụng ma túy nên vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau, va chạm, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Đến tháng 06 năm 2022 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên chị L đã về quê ở thôn Ch, xã A, huyện L, tỉnh H sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Bản thân anh L1 mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L1 không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh L1 không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn L1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 có 01 con chung là cháu Đinh Thị Quỳnh H sinh ngày 28/01/2021, hiện nay đang ở với chị L. Xét cả anh L1 và chị L đều là những người khỏe mạnh, đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ. Anh L1 không cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập, nhưng qua xác minh tại cơ sở thì lao động tự do có thu nhập trung bình trên địa bàn xã G là 200.000 đồng/người/ngày nên cả anh L1 và chị L đều có đủ điều kiện nuôi con. Xét cháu

Đinh Thị Quỳnh H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó cần chấp nhận đề nghị của chị L, giao cho chị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hương là thỏa đáng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu nên không buộc anh L1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đinh Văn L1 đều có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên mối quan hệ này Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn L1.

2. Về con chung: giao cháu Đinh Thị Quỳnh H sinh ngày 28/01/2021 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đinh Thị Quỳnh H đủ 18 tuổi. Anh Đinh Văn L1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh Đinh Văn L1 có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện N theo biên lai số AA/2019/0000292, ngày 01/6/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Quốc